

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HNGĐ - ST
Ngày 24 tháng 6 năm 2020
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Long.

2. Ông Nguyễn Tất Ai.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:*
Ông Tổng Việt Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 96/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-HN ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Quang D, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Số X đường ĐBL, Phường G, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Tố T, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số Y đường ĐBL, Phường G, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn ông Lê Quang D trình bày: Ông và bà T là hôn nhân hợp pháp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37/08 quyển số 01/2008 ngày 25/4/2008 tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian từ năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã, lối sống không còn hòa hợp. Tình cảm hai bên vì vậy mà nhạt phai không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2016. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có tiếng nói chung, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị Tổ T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Quang H, sinh ngày 10/11/2011, hiện đang sống với vợ. Khi ly hôn ông đồng ý giao con cho vợ tiếp tục nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.200.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Huỳnh Thị Tổ T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng bà vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Về mức cấp dưỡng nuôi con anh tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Ông Lê Quang D yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị Tổ T. Bà T có nơi cư trú tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tranh chấp ly hôn, nuôi con vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bà Huỳnh Thị Tổ T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định tại các Điều 174, Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà T cưới nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang vào ngày 25/4/2008 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông D trình bày vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng không có quan tâm lẫn nhau, sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống xa cách đã lâu mà bà T không có tha thiết gì hàn gắn, nên mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn.

Bà Huỳnh Thị Tổ T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng không có văn bản trình bày ý kiến xem như bà từ bỏ các quyền của mình theo quy định tại Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà T là không thể hàn gắn vì đời sống chung vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016, mỗi người sống một nơi. Còn bà T đã được Tòa án

tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng bà vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết cũng không có văn bản trình bày ý kiến, thể hiện sự bỏ mặc, không tha thiết hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với ông D.

Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông D, cho ông được ly hôn với bà T.

[2.3] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Quang H, sinh ngày 10/11/2011, con hiện đang sống với bà T. Khi ly hôn ông D đồng ý giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét yêu cầu này của ông D là phù hợp vì để cháu Hiếu đang có cuộc sống ổn định với mẹ và cũng có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu Hiếu cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông D về mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Hiếu đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê Quang D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang D được ly hôn với bà Huỳnh Thị Tố T.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Lê Quang H, sinh ngày 10/11/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Hiếu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo qui định của pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông D chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Ông Lê Quang D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001100 ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên ông đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông D có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TPMT;
- UBND phường 8, TPMT
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Tiên